

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TN  
TỈNH TN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 26 tháng 10 năm 2021  
"V/v: Tranh chấp Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Huệ

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Ông Lê Văn Ninh

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Vũ Thuỳ Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 506/2021/TLST-LH ngày 09 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2021/QĐXX-ST ngày 12/10/2021 giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Phú T, sinh năm 1982

**Bị đơn:** Chị Nông Thị P, sinh năm 1989

Đều cư trú: tổ 04 phường G.S, thành phố TN

(Các đương sự đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Phú T trình bày*

Trước khi kết hôn anh T là người tàn tật nặng, hai người tự tìm hiểu, sau đó chị P có thai và đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố TN trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi sinh con, năm 2016 chị P đi xuất khẩu lao động, trong thời gian đó mẹ đẻ anh T chăm sóc anh T và cháu Nguyễn Phú Q (con anh T), năm 2019 chị P về nước. Khi chị P về nước tình cảm vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Do anh T bị khuyết tật nặng không tự sinh hoạt vợ chồng, không lao động được, nên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Khi anh T đi viện chị P đi làm không có thời gian gần gũi chăm sóc, nhưng chị P cũng không hỏi han, quan tâm. Anh T xác định trước khi lấy chị P hai bên có quan hệ tình cảm nên có 01 con trai Nguyễn Phú Q, sinh ngày 29/10/2013, từ đó đến nay anh không quan hệ tình cảm được với chị P nữa, anh T ở hoàn toàn phụ thuộc vào bảo

trợ xã hội và đi điều trị phục hồi chức năng, anh xác định không còn tình cảm nên tha thiết đề nghị Toà án cho anh được ly hôn chị P để yên tâm điều trị, ổn định cuộc sống

Về con chung: Hai vợ chồng có một con chung cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày 29/10/2013, anh T bị tàn tật nên đề nghị giao chị P nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con và T sản chung nợ chung. Về án phí ly hôn anh T xin được miễn án phí

*Tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Nông Thị P trình bày:*

Chị P và anh T đăng ký kết hôn ngày 06/5/2013, khi đăng ký hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Quá trình chung sống chị P xác nhận như anh T khai, sau khi quan hệ vợ chồng có 01 con chung đến nay anh T bị tàn tật nặng nên không gần gũi quan hệ với nhau. Về mẫu thuẫn vợ chồng chủ yếu là mẹ chồng và nàng dâu, giữa anh T và chị P có đôi lần cãi vã nhưng không sâu sắc, chị P xác định còn tình cảm nên không nhất trí ly hôn

Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành hoà giải vụ án, anh T cương quyết ly hôn, xác định hiện nay anh T và mẹ đẻ đã ra ở riêng, không liên quan gì đến chị P, việc ốm đau của anh mẹ anh là người trực tiếp chăm sóc, sau khi chị P về nước một thời gian chị P không hề quan tâm, thăm hỏi đến anh, nay chị P không đồng ý ly hôn, anh T có đơn đề nghị đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Phú T giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nông Thị P, lý do trước khi lấy nhau anh bị tai nạn nặng, không giúp đỡ gì được chị P dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cuộc sống hai bên căng thẳng, anh T bệnh tật nên cả hai không quan tâm chăm sóc nhau được dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn để giải phóng cho chị P, bản thân anh không bị áp lực trong cuộc sống.

Quan điểm của chị P cho rằng mâu thuẫn gia đình do mẹ chồng nàng dâu là chủ yếu, đối với vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ do chị P đi làm về mệt không quan tâm chăm sóc anh T, đôi khi có cáu gắt nhưng không lớn nên chị P không nhất trí ly hôn, nếu anh T cương quyết ly hôn chị đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

*Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục đúng theo Điều 329 của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa anh Nguyễn Phú T xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng do anh tàn tật nặng nên không gần gũi vợ chồng, không giúp đỡ được chị P, hiện nay anh T và mẹ đẻ ra ở ngoài và ở viện điều trị là chủ yếu, nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày 29/10/2013 cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh T, chị P không yêu cầu nên không xem xét. Về phần T sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh T chị P có quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên toà, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Nguyễn Phú T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”; Nguyên đơn và bị đơn có địa chỉ tại tổ 04, phường G.S, thành phố TN nên xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

**2.1. Về hôn nhân:** Anh Nguyễn phú T và chị Nông Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn đã được thực hiện tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố TN là cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn: Do anh T bị tai nạn tàn tật nặng, thường xuyên phải đi điều trị, phải có người chăm sóc, không gần gũi vợ chồng, không giúp đỡ chị P về kinh tế, chăm sóc con cái và việc gia đình nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Toà án tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng không thành, anh T khai do bị tàn tật nặng nên chủ yếu anh và mẹ anh phải ở viện, thời gian gần đây hai mẹ con anh đã dọn ra ngoài ở nên không cả hai không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị P cũng xác định có sự việc nêu trên. Nay chị P xác định vẫn còn tình cảm với anh T không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên anh T nhất quyết xin ly hôn để giải phóng cho chị P. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên nên cần chấp nhận đơn khởi kiện về ly hôn của anh Nguyễn Phú T, cho anh T được ly hôn với chị P là hợp với thực tế và đúng quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình.

**[2.2] Về con chung:** Anh T chị P có 01 con chung là cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày ngày 29/10/2013. Quá trình giải quyết anh T có nguyện vọng để chị P nuôi cháu vì hiện nay bản thân anh bị tàn tật, không nuôi dưỡng chăm sóc con

được cũng phù hợp với ý kiến của chị P và nguyện vọng của cháu Q có ý kiến được ở với mẹ, nên cần giao cháu Q cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Sau khi ly hôn anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung theo quy định.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

**[2.3] Về T sản chung, nợ chung:** Anh T, chị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

**[3] Về án phí:** Anh T được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217; Điều 218; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phú T về việc "Ly hôn"

- Về Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phú T được ly hôn với chị Nông Thị P

- Về con chung: Giao cho chị Nông Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày 29/10/2013, đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về T sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Án phí: Anh Nguyễn Phú T được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; hoàn trả anh Nguyễn Phú T 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005501 ngày 07/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN
- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- UBND P.P, TPTN
- Dương Sự;
- Lưu HS.BP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thu Huệ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN THU HUỆ**









